

HỆ THỐNG THÔNG TIN NGÂN HÀNG VÀ TÍNH HỮU HIỆU, HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Ths. Đặng Đình Tân*

Theo một báo cáo của Ủy ban Basel về giám sát hoạt động ngân hàng¹, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) hữu hiệu là một trong những nhiệm vụ *trọng yếu* của hoạt động quản lý ngân hàng, nó bảo đảm nền tảng cho hoạt động ngân hàng an toàn và lành mạnh. HTKSNB mạnh là nhân tố giúp cho ngân hàng có thể đạt được các mục tiêu cả về kinh doanh lẫn tính tin cậy của các thông tin quản trị, tài chính. Bên cạnh đó, HTKSNB như vậy cũng có thể giúp bảo đảm ngân hàng sẽ tuân thủ các luật lệ, quy định của các cơ quan quản lý cũng như các chính sách, kế hoạch, nội quy nội bộ, giảm thiểu rủi ro xảy ra thiệt hại bất ngờ cho danh tiếng của ngân hàng. Báo cáo này đặc biệt nhấn mạnh đến tính chất “liên tục” của các thủ tục kiểm soát nội bộ (TTKSNB), theo đó, các TTKSNB là những *quá trình* (chứ không phải những chính sách, quy định được thiết lập và thực hiện tại một thời điểm nào đó) chịu sự chi phối của mọi cấp quản lý, nhân viên trong ngân hàng. Tính chất đó đòi hỏi các nhà quản lý ngân hàng phải chịu trách nhiệm *không ngừng* thiết lập, tạo cơ chế hoạt động và giám sát hiệu lực của các TTKSNB trong hoạt động *hàng ngày* của *mọi nhân viên* trong ngân hàng.

Điều nhấn mạnh này phản ánh một thực tế là, không riêng gì trong các ngân hàng,

HTKSNB của một tổ chức yếu kém đôi khi không vì thiếu những TTKSNB thích hợp, mà trái lại, những TTKSNB đã được thiết lập rất đầy đủ nhưng chúng đã không đi vào hoạt động hàng ngày của mọi cá nhân trong tổ chức cũng như đã không được những nhà quản lý giám sát tính hiệu lực một cách liên tục (dân gian thường gọi là tình trạng “*đánh trống bỏ dùi*”). Điều nghe ra có vẻ “ngịch lý” này lại là một... tất nhiên trong quản lý ở chỗ mục tiêu của HTKSNB (hay của tổ chức) thông thường *không đồng nhất* với mục tiêu của từng cá nhân! Như vậy, việc thiết lập HTKSNB chỉ có ý nghĩa một khi *hiệu lực* của HTKSNB *được duy trì trong hoạt động hàng ngày* của tổ chức và mọi cá nhân trong tổ chức đó.

Trước đây, khi các ngân hàng còn duy trì hệ thống xử lý nghiệp vụ thủ công, hoặc đã áp dụng các hệ thống thông tin (HTTT) xử lý nghiệp vụ kinh doanh chưa hoàn thiện được thiết kế phục vụ riêng biệt cho từng phòng, ban nghiệp vụ thì việc duy trì tính hữu hiệu của HTKSNB luôn là một nhiệm vụ nan giải: nó phụ thuộc phần lớn vào *nhận thức* và *sự tự giác thực hiện* của nhân viên ngân hàng! Sự phụ thuộc này không thể chấp nhận nếu xét đến tính chất đặc thù của các giao dịch ngân hàng. *Thứ nhất*, các giao dịch ngân hàng luôn có yêu cầu phải hoàn thành nhanh chóng, thậm chí là *ngay tức khắc*.

Thứ hai, các giao dịch ngân hàng có số lượng vượt trội so với số lượng giao dịch phát sinh của các loại hình doanh nghiệp khác trong cùng một đơn vị thời gian (chẳng hạn, một ngày). *Thứ ba*, các giao dịch ngân hàng có thể được thực hiện *gần như đồng thời* tại những địa điểm cách xa về mặt địa lý (ví dụ giao dịch chuyển tiền điện tử), hệ quả là một khi sai phạm xảy ra sẽ khó có cơ hội sửa sai chỉ bằng cách “*điều chỉnh sổ sách*”. Nhìn chung, yêu cầu “*nhanh chóng, kịp thời*” khi xử lý một số lượng lớn các giao dịch sẽ tạo một áp lực thường xuyên đối với nhân viên ngân hàng, và để đáp ứng yêu cầu đó trên thực tế một vài TTKSNB nào đó sẽ bị bỏ qua - tạo điều kiện dẫn đến *sai sót, nhầm lẫn*, hoặc thậm chí *gian lận*².

Do các đặc thù nêu trên của hoạt động giao dịch ngân hàng, các ngân hàng chỉ có thể duy trì tính hữu hiệu của HTKSNB một cách căn bản khi *tự động hóa* ngày càng cao các quá trình xử lý giao dịch kinh doanh của mình. Nói khác đi, HTTT xử lý nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng là một công cụ đắc lực để duy trì tính hữu hiệu của HTKSNB. Điều này có thể lý giải như sau:

Một là, các HTTT xử lý nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng “*tích hợp*” mục tiêu của cá nhân và tổ chức. Thông qua các HTTT

Đại học Ngân hàng Tp. HCM ()*

hỗ trợ xử lý nghiệp vụ kinh doanh, các cá nhân (nhân viên) trong ngân hàng đạt được mục tiêu là hoàn thành công việc nhanh chóng, hiệu quả nhất đồng thời *tổ chức* (HTKSNB) cũng đạt được mục tiêu về kiểm soát là các giao dịch đã được thực hiện luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định quản lý (được thiết kế và cài đặt trong các chương trình ứng dụng). Đơn cử một ví dụ, trong các quy trình xử lý nghiệp vụ thủ công hoặc bán tự động, một giao dịch (có thật) có thể được thực hiện mà không nhất thiết phải có chữ ký đầy đủ trên chứng từ gốc, điều này là không thể trong các quy trình xử lý nghiệp vụ tự động hóa hiện nay trong các ngân hàng: tất cả các giao dịch (có thật) một khi thực hiện đều phải được chấp thuận thích hợp (theo hạn mức chẳng hạn) trước đó. Do chỗ các nhân viên *chỉ có thể* thực hiện các giao dịch thông qua các HTTT xử lý nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng, nên đã đảm bảo cho các TTKSNB luôn được duy trì trong hoạt động hàng ngày của ngân hàng, điều đó đồng nghĩa với bảo đảm cho tính hữu hiệu của HTKSNB luôn được duy trì trên thực tế.

Hai là, với việc ứng dụng ngày càng rộng rãi các HTTT xử lý nghiệp vụ kinh doanh, *các thủ tục kiểm soát ngăn chặn có điều kiện được sử dụng nhiều hơn thay cho các thủ tục kiểm soát phát hiện*, nói cách khác, HTKSNB ngân hàng có điều kiện *ngăn chặn* sai sót, gian lận hiệu quả hơn. Chúng ta biết rằng, trong HTKSNB, các thủ tục kiểm soát ngăn chặn là có hiệu quả nhất vì nếu áp dụng triệt để, các sai phạm hầu như khó có khả năng

xảy ra. Tuy vậy, trong các quy trình xử lý thủ công hoặc bán tự động, việc áp dụng rộng rãi các thủ tục kiểm soát ngăn chặn là thiếu khả thi vì “chi phí” đa phần lớn hơn “lợi ích” mang lại (chẳng hạn kiểm soát ngăn chặn quá chặt chẽ làm chậm thời gian thực hiện giao dịch, giảm sự linh hoạt trong các hoạt động kinh doanh). Chính vì vậy HTKSNB *phải chấp nhận một tỷ lệ sai phạm nhất định và bù đắp bằng các thủ tục kiểm soát phát hiện và sửa sai*. Nhưng ngay cả như vậy, việc *phát hiện* đôi khi được thực hiện chậm hơn nhiều so với thời điểm xảy ra sai phạm nên hậu quả thậm chí không thể khắc phục (sửa sai). Với khả năng của các HTTT hỗ trợ hoạt động kinh doanh ngân hàng hiện nay, nhiều thủ tục kiểm soát ngăn chặn đã được ứng dụng mà vẫn không làm giảm đi sự linh hoạt trong thực hiện công việc của các nhân viên ngân hàng. Điều này có thể nhận thấy, chẳng hạn, thông qua quy trình chấp thuận giao dịch tại quầy giao dịch các ngân hàng. Các giao dịch viên (tellers) được phép thực hiện giao dịch trong hạn mức cho phép (có thể thiết lập riêng biệt cho từng người hoặc nhóm), đối với các giao dịch vượt hạn mức, chương trình sẽ tự động dừng giao dịch lại chờ sự chấp thuận của một người sử dụng được đăng ký là có thẩm quyền chấp thuận giao dịch ở mức cao hơn tương ứng mới cho phép xử lý tiếp. Hệ thống chấp thuận giao dịch theo hạn mức này rõ ràng vừa linh hoạt nhưng cũng không kém chặt chẽ, vì nó giúp đẩy nhanh tốc độ thực hiện giao dịch đồng thời lại có thể giảm thiểu thiệt hại xảy ra nếu có. Một ví dụ khác về kiểm soát ngăn chặn

có thể thấy trong các giao dịch rút tiền tự động ATM. Khách hàng bị khống chế về *số tiền/một giao dịch* và *số giao dịch/ngày* (một số hệ thống ATM còn có khả năng khống chế về *khoảng cách địa lý giữa hai lần thực hiện rút tiền trong ngày*). Những khả năng ngăn chặn như vậy rõ ràng không thể có trong các quy trình xử lý thủ công hoặc bán tự động trước đây.

Tóm lại, việc phát triển ứng dụng ngày càng sâu rộng các HTTT hỗ trợ hoạt động kinh doanh không chỉ cải thiện năng lực kinh doanh (và do đó, năng lực cạnh tranh) của ngân hàng mà còn hỗ trợ ngày càng tốt hơn các yêu cầu của nhà quản lý trong việc bảo đảm các hoạt động kinh doanh ngân hàng an toàn, lành mạnh. Vì lý do đó, các nhà quản lý ngân hàng phải có một chính sách đầu tư mạnh mẽ, thích đáng cho các HTTT hỗ trợ hoạt động kinh doanh của ngân hàng không chỉ để tăng cường khả năng phục vụ khách hàng mà thông qua đó các nhà quản lý sẽ có điều kiện kiểm soát ngày càng tốt hơn các hoạt động hết sức đa dạng trong toàn bộ hệ thống ngân hàng của mình – đó cũng chính là tận dụng được *giá trị gia tăng* của các hệ thống thông tin ■

Chú thích:

¹Basle Committee on Banking Supervision, “Framework for Internal Control Systems in Banking Organisations” 1998.

² Có thể dẫn ra ví dụ về trường hợp gian lận trong nghiệp vụ chuyển tiền điện tử do kế toán trưởng quá bận việc đã “ủy quyền” cho nhân viên kế toán thanh toán thực hiện chức năng kiểm soát.